TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 74/2018/DSPT
Ngày 04 - 5 - 2018
V/v thực hiện nghĩa vụ
tài sản do người chết để lại

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Dần.
Các Thẩm phán: 1.Ông Trương Công Bình.
2. Bà Lê Thị Tùng.
- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh ĐắkLắk.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 24/2018/TLPT- DS ngày 14/3/2018, về "Thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 40/2017/DSST ngày 22/12/2017 của Toà án nhân dân huyện Krông Năng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 64/QĐPT-DS ngày 05 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị N; trú tại: Thôn LT, xã PL, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đặng Ngọc H; trú tại: TĐT, TP. B, tỉnh Đắk Lắk. (Theo giấy ủy quyền ngày 18 tháng 4 năm 2018). Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Mai T; trú tại: Thôn L, xã PL, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

- *Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Mai Văn H1; trú tại: Thôn L, xã PL, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thái T1; trú tại: NTT, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Theo giấy ủy quyền ngày 11 tháng 4 năm 2018). Có mặt.

2. Ông Mai Văn T2; trú tại: Thôn L, xã PL, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

3. Bà Mai Thị Cẩm V; trú tại: Thôn LD, xã PL, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.Vắng mặt.

4. Bà Mai Thị K1; trú tại: HV, khóm X, phường Y, thành phố TV, tỉnh TV.Vắng mặt.

- *Người kháng cáo*: Ông Mai T, ông Mai Văn H1, bà Mai Thị Cẩm V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Phan Thị N trình bày:

Tôi và bà Lê Thị C ở cùng xã PL và có mối quan hệ quen biết nhau nên tôi có cho bà Lê Thị C vay tiền nhiều lần, phần lớn những lần vay tiền trước đây bà C đều trả tiền đúng hạn, đúng thỏa thuận. Tuy nhiên còn năm 2015 và 2016 bà C vay tiền của tôi nhưng chưa trả, cụ thể:

Ngày 15/9/2015 (âm lịch) bà Lê Thị C vay 150.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả nợ, không thế chấp hoặc cầm cố tài sản gì, mục đích vay để bà C buôn bán cà phê với tiêu, khi vay có viết 01 giấy vay tiền đề ngày 15/9 Al, khoản tiền này ông Mai Văn H1 là con đẻ của bà C viết, ký và nhận số tiền 150.000.000 đồng.

Ngày 01/5/2016 (âm lịch) bà Lê Thị C vay 40.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả nợ, không thế chấp hoặc cầm cố tài sản gì, mục đích vay để bà C buôn bán cà phê với tiêu, khi vay có viết 01 giấy vay tiền đề ngày 01/5, khoản tiền này ôngMai Văn H1 là con đẻ của bà C viết, ký và nhận số tiền 40.000.000 đồng.

Ngày 24/5/2016 (âm lịch) bà Lê Thị C vay 50.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả nợ, không thế chấp hoặc cầm cố tài sản gì, mục đích vay để bà C buôn bán cà phê với tiêu, khi vay có viết 01 giấy vay tiền đề ngày 24/5 âm lịch 2016, khoản tiền này tôi viết giấy vay tiên và bà C có ký dưới mục người mượn tiền. Bà C là người trực tiếp nhận số tiền 50.000.000 đồng từ tôi.

Ngày 30/6/2016 (âm lịch) bà Lê Thị C vay 170.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả nợ 03 ngày, không thế chấp hoặc cầm cố tài sản gì, mục đích vay để bà C đáo hạn ngân hàng, khi vay có viết 01 giấy vay tiền đề ngày 30/6 âm lịch 2016, khoản tiền này tôi viết giấy vay tiền và bà C có ký dưới mục người mượn tiền. Bà C là người trực tiếp nhận số tiền 170.000.000 đồng từ tôi.

Tổng cộng số tiền bà Lê Thị C vay của tôi là 410.000.000 đồng. Ngày 12/8/2016 bà C đã tự tử, tôi cũng yêu cầu chồng và các con của bà C phải có trách nhiệm liên đới trả cho tôi số tiền trên nhưng gia đình bà C không chịu trả cho tôi.

Ngày 07/10/2016 tôi đã làm đơn khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết buộc ông Mai T (chồng của bà C) và các con bà C phải trả số tiền bà C đã vay của tôi là 410.000.000 đồng.

Tuy nhiên tôi xét thấy hoàn cảnh gia đình ông Mai T cũng đang khó khăn, nên tôi xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện cụ thể: Tôi không yêu cầu tòa án giải quyết đối với số tiền vay là 150.000.000 đồng vào ngày 15/9/2015 âm lịch (giấy nợ ghi ngày 15/9) mà bà C đã vay và do ôngH1 là con trai bà C nhận tiền thay.

Vì vậy, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Mai T (chồng của bà C) và các con của bà C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho tôi số tiền là 260.000.000 đồng mà bà Lê Thị C đã vay của tôi.

Bị đơn ông Mai T trình bày:

Tôi là chồng của bà Lê Thị C, tôi không biết việc vay mượn tiền giữa vợ tôi là bà Lê Thị C với bà Phan Thị N, ngày 26/3/2016 sau khi con gái chúng tôi là cháu Mai Thị H2 chết thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và tôi về xã VM, huyện PL, tỉnh Thừa Thiên Huế sinh sống, làm ăn nên tất cả việc trong gia đình vào thời gian đó tự bà C quyết định, tôi không biết bất cứ vấn đề gì liên quan đến gia đình.

Vì vậy, tôi không chấp nhận cùng các con có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phan Thị N số tiền là 260.000.000 đồng mà vợ tôi bà Lê Thị C đã vay và đề nghị tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ôngMai Văn H1 trình bày:

Mẹ tôi bà Lê Thị C vay tiền của bà Phan Thị N thì tôi, ông Mai T (bố) và các em không biết mẹ tôi vay tiền khi nào, giấy tờ vay tiền mà bà N cung cấp không thể hiện rõ ràng và hiện nay mẹ tôi đã chết nên tôi không xác nhận được mẹ tôi là bà C có vay tiền của bà N hay không.

Giấy vay tiền ngày 01/5 mà bà Phan Thị N cung cấp là tôi nhận số tiền là 40.000.0000 đồng thì tôi thừa nhận tự tay tôi viết và ký nhận vào giấy nhận tiền, tôi không nhận bất cứ số tiền nào từ bà Phan Thị N. Giấy vay tiền đó có thể tôi đến một đại lý nông sản cà phê nào đó để xác nhận việc mẹ tôi bán nông sản, do bà C bận không đến lấy được nên tôi là người nhận thay, do đó mới có việc ghi tôi là người nhận tiền.

Vì vậy, tôi không chấp nhận cùng bố tôi là ông Mai T và các anh chị em cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phan Thị N số tiền là 260.000.000 đồng mà mẹ tôi bà Lê Thị C đã vay và đề nghị tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bàMai Thị Cẩm V trình bày:

Tôi là con đẻ của ông Mai T và bà Lê Thị C. Năm 2008 tôi đã lấy chồng và ra ở riêng nên việc vay mượn tiền giữa mẹ tôi và bà N thì tôi không biết. Vì vậy, bà Phan Thị N yêu cầu ông Mai T và các con cùng có nghĩa vụ trả số tiền 260.000.000 đồng thì tôi đề nghị tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị K1 trình bày:

Tôi là con đẻ của ông Mai T và bà Lê Thị C. Từ năm 2010 tôi đi tu ở chùa cho đến nay, tôi không biết việc vay mượn tiền giữa mẹ tôi và bà N. Vì vậy, bà Phan Thị N yêu cầu ông Mai T và các con cùng có nghĩa vụ trả số tiền 260.000.000 đồng thì tôi đề nghị tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mai Văn T2: Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông T2 theo quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 40/2017/DSST ngày 22/12/2017 của Toà án nhân dân huyện Krông Năng đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 244 của BLTTDS; Căn cứ: Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 611, Điều 613, Điều 614, Điều 615, khoản 3 Điều 623, Điều 651 của BLDS; Căn cứ: khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ƯBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị N đối với yêu cầu trả số tiền 150.000.000 đồng của lần vay ngày 15/9/2015 (âm lịch).

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị N. Buộc ông Mai T, ông Mai Văn H1, ông Mai Văn T2, bà Mai Thị Cẩm V, bà Mai Thị K1 cùng có nghĩa vụ trả nợ cho bà N số tiền 260.000.000 đồng và trả nợ trong phạm vi di sản do bà Lê Thị C để lại.

Áp dụng Điều 357 của BLDS để tính lãi suất khi có đơn yêu cầu Thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/12/2017, bị đơn ông Mai T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Mai Văn H1 và bà Mai Thị Cẩm Vcó đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 40/2017/DSST ngày 22/12/2017 của Toà án nhân dân huyện Krông Năng, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Mai Văn H1vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Nguyên đơn bà Phan Thị N giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, bị đơn ông Mai T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị Cẩm V, bà Mai Thị K1, ông Mai Văn T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt.

Đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

- Các đương sự trong vụ án và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 296; khoản 1 Điều 308; khoản 2 Điều 312 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Mai T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị Cẩm V, không chấp nhận đơn kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Mai Văn H1, xét xử vắng mặt ông Mai Văn T2, bà Mai Thị K1 - Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 40/2017/DSST ngày 22/12/2017 của Toà án nhân dân huyện Krông Năng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn ông Mai Tvà người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị Cẩm V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 296, khoản 2 Điều 312 BLTTDS đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Mai Tvà người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị Cẩm V, xét xử vắng mặt ông Mai Văn T2, bà Mai Thị K1.

[2] Về nội dung:

[2.1]Ngày 25/4/2017, nguyên đơn bà Phan Thị N có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 150.000.000 đồng mà bà Lê Thị C vay vào ngày 15/9/2015 (âm lịch) (bút lục số 68). Nên Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị N đối với yêu cầu trả số tiền 150.000.000 đồng của lần vay ngày 15/9/2015 (âm lịch) là có căn cứ.

[2.2]Tại giấy nhận nợ ngày 24/5/2016 âm lịch bà C có mượn của bà N 50.000.000 đồng (bút lục số 65); ngày 30/6/2016 âm lịch bà C có mượn của bà N 170.000.000 đồng (bút lục số 64). Tại kết luận giám định số 17/PC54 ngày 10/5/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk (bút lục số 84), xác định chữ ký tại các giấy nhận nợ nói trên đều là của bà Lê Thị C.

Tại giấy nhận nợ ngày 01/5 thể hiện C T nhận 40.000.000 đồng (bút lục số 66), người nhận ông Mai Văn H1 ký nhận. Mặc dù ông H1 không thừa nhận đã mượn tiền của bà N, nhưng ông H1 thừa nhận chữ viết, chữ ký trong giấy nhận nợ nói trên là do chính ông viết và ký tên. Tài liệu này do bà N cung cấp, ông H1 không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh việc ông không nhận số tiền trên.

Vì vậy, HĐXX xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà C còn nợ bà N số tiền 260.000.000 đồng là có căn cứ.

[2.3] Bà Lê Thị C chết không để lại di chúc và di sản của bà C chưa chia thừa kế, theo quy định tại Điều 615 Bộ luật dân sự, HĐXX xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xác định những người thừa kế của bà C gồm ông Mai T, ông Mai Văn H1, ông Mai Văn T2, bà Mai Thị Cẩm V, bà Mai Thị K1 cùng có nghĩa vụ trả nợ cho bà N trong phạm vi di sản do bà C để lại là có căn cứ.

Vì vậy, HĐXX xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Mai Văn H1.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Mai Văn H1 không được chấp nhận nên ông H1 phải chịu án phí phúc thẩm. Do đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Mai T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị Cẩm V nên số tiền tạm ứng án phí của bà V và ông T đã nộp sung công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 148, khoản 3 Điều 296; khoản 1 Điều 308; khoản 2 Điều 312 Bộ luật Tố tụng dân sự:

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Mai T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị Cẩm V.

- Không chấp nhận đơn kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Mai Văn H1;

- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 40/2017/DSST ngày 22/12/2017 của Toà án nhân dân huyện Krông Năng.

Tuyên xử:

[1] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị N đối với yêu cầu trả số tiền 150.000.000 đồng của lần vay ngày 15/9/2015 (âm lịch).

[2] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị N.

Buộc ông Mai T, ông Mai Văn H1, ông Mai Văn T2, bà Mai Thị Cẩm V, bà Mai Thị K1 cùng có nghĩa vụ trả nợ cho bà N số tiền 260.000.000 đồng và trả nợ trong phạm vi di sản do bà Lê Thị C để lại.

Áp dụng Điều 357 của BLDS để tính lãi suất khi có đơn yêu cầu Thi hành án.

[3] Về chi phí tố tụng: Bà Phan Thị N đã nộp tạm ứng chi phí giám định là 4.680.000 đồng. Ông Mai T, ông Mai Văn H1, ông Mai Văn T2, bà Mai Thị Cẩm V, bà Mai Thị K1 cùng phải nộp 4.680.000 đồng để thanh toán lại cho bà N.

[4] Về án phí:

[4.1] Về án phí DSST: Ông Mai T, ông Mai Văn H1, ông Mai Văn T2, bà Mai Thị Cẩm V, bà Mai Thị K1 cùng phải chịu 13.000.000 đồng án phí DSST có giá ngạch. Hoàn trả cho bà Phan Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.200.000 đồng theo biên lai số AA/2014/0041922 ngày 13/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

[4.2] Về án phí DSPT:

Ông Mai Văn H1phải chịu 300.000 đồng án phí Dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà ông Mai Văn H1 đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0002401 ngày 08/01/2018của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Sung công quỹ Nhà nước số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà ông Mai Văn H1 đã nộp thay ông Mai T theo biên lai thu số AA/2017/0002402 ngày 08/01/2018của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K và số tiền 300.000 đồngtiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà ông Mai Văn H1 đã nộp thay cho bà Mai Thị Cẩm V theo biên lai thu số AA/2017/0002403 ngày 08/01/2018của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Cổngthông tin điện tử;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02);
- TAND huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS huyện K;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Văn Công Dần